

NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG THỊT CỦA GÀ NHIỀU NGÓN THƯƠNG PHẨM

Ngô Thị Kim Cúc¹, Nguyễn Văn Trung¹, Đặng Ngọc Nga² và Phạm Công Thiếu¹

¹Viện Chăn nuôi, ²Công ty TNHH đầu tư và thương mại Phú Quang, Phú Thọ

Tác giả liên hệ: Ngô Thị Kim Cúc. Tel: 098 916 06 53; Email: cucngokim@yahoo.com

TÓM TẮT

Mục tiêu của đề tài nhằm đánh giá được năng suất, chất lượng thịt của gà Nhiều ngón thương phẩm. Nghiên cứu được tiến hành trên đàn gà Nhiều ngón thương phẩm nuôi từ 01 ngày tuổi đến 22 tuần tuổi tại Công ty TNHH Công ty TNHH đầu tư thương mại Phú Quang, Phú Thọ. Đàn gà Nhiều ngón thương phẩm được nuôi từ 01 ngày tuổi đến 22 tuần tuổi với số lượng là 1000 con/lô với 2 lần lặp lại. Tổng số gà thí nghiệm là 2000 con gà 01 ngày tuổi Gà nuôi thương phẩm theo phương thức bán công nghiệp. Các đàn gà được cho ăn tự do cả giai đoạn từ 1 ngày tuổi đến 22 tuần tuổi. Tiến hành mổ khảo sát 03 con trống và 03 con mái/lô lúc 22 tuần tuổi để đánh giá một số chỉ tiêu về năng suất thịt và chất lượng thịt. Kết quả chỉ ra rằng tỷ lệ nuôi sống của gà Nhiều ngón đạt cao từ 90,70 đến 90,90%. Kết thúc 22 tuần tuổi khối lượng cơ thể gà đạt 1693,02 - 1702,6 g/con. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng đến 22 tuần tuổi là 4,97 kg và 5,01kg. Tỷ lệ thân thịt đạt 74,25% - 74,68%, tỷ lệ thịt lườn đạt 15,06% - 15,14%, thịt đùi đạt 15,69% - 15,83%. Tỷ lệ vật chất khô của thịt đùi và thịt lườn là 24,68 và 26,20%. Tỷ lệ protein của thịt đùi là 20,71 và thịt lườn là 23,90%.

Từ khóa: Gà Nhiều ngón, chất lượng thịt gà, gà bản địa Việt Nam

ĐẶT VẤN ĐỀ

Gà Nhiều ngón là một giống gà mang nguồn gen hiếm, tài nguyên sinh học quý, gắn liền với sinh kế và văn hóa của đồng bào nhiều dân tộc thuộc khu vực huyện Tân Sơn tỉnh Phú Thọ. Giống gà này có tầm vóc nhỏ nhưng khả năng thích nghi và sức đề kháng cao. Đặc biệt phẩm chất thịt thơm, ngon được người tiêu dùng ưa chuộng. Một số các nghiên cứu trước đây đã tiến hành nghiên cứu trên giống gà Nhiều ngón (Bùi Thế Hoàn, 2013; Vũ Thị Thúy Hằng, 2014; Nguyễn Khắc Khánh, 2015; Phạm Văn Long, 2015; Nguyễn Hoàng Thịnh và cs., 2016). Các kết quả nghiên cứu cho thấy giống gà Nhiều ngón có đặc điểm ngoại hình đặc biệt, hầu hết gà trống có (6-8 ngón) (99%); số con có 5 hoặc 9 ngón là rất hiếm (0,5-1,0%). Khoảng 80% gà mái có 5-7 ngón; 10% có 8 ngón và không gà mái nào 9 ngón. Hầu hết (95%) gà trống có màu lông nâu đỏ trong khi gà mái có rất nhiều màu lông khác nhau: màu vàng nâu, màu vàng sẫm (56%); màu xám (20%) và màu khác. Gà Nhiều ngón sinh sản có năng suất trứng/mái/năm để đạt 80,00 quả. Khối lượng trứng vào để bói là 37,34g/quả và để đỉnh cao là 43,32g/quả. Khối lượng gà Nhiều ngón lúc 01 ngày tuổi là 28,31g/con; đến 8 tuần tuổi con trống đạt 483,19g/con và con mái đạt 384,19g/con; tại thời điểm 20 tuần tuổi con trống đạt 1608,91g/con và con mái đạt 1215,10g/con. Mặc dù có nhiều nghiên cứu về gà Nhiều ngón nhưng chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu bài bản về năng suất và chất lượng thịt của gà nhiều ngón. Mục đích của nghiên cứu là đánh giá khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của gà Nhiều ngón.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu nghiên cứu

Đàn gà Nhiều ngón thương phẩm được nuôi từ 01 ngày tuổi đến 22 tuần tuổi với số lượng là 1000 con/lô với 2 lần lặp lại. Tổng số gà thí nghiệm là 2000 con gà 01 ngày tuổi.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Đề tài được triển khai tại Công ty TNHH đầu tư và thương mại Phú Quang, Phú Thọ.

Thời gian nghiên cứu: Năm 2021

Nội dung nghiên cứu

Đánh giá khả năng sinh trưởng của gà Nhiều ngón thương phẩm

Đánh giá năng suất và chất lượng thịt của gà Nhiều ngón thương phẩm

Phương pháp nghiên cứu

Gà nuôi thương phẩm theo phương thức bán công nghiệp. Các đàn gà được cho ăn tự do trong cả giai đoạn từ 1 ngày tuổi đến 22 tuần tuổi. Chế độ dinh dưỡng cho ăn theo quy trình chăn nuôi gà nhiều ngón thương phẩm của nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước “Khai thác và phát triển nguồn gen gà Nhiều ngón và gà Lạc Sơn”

Giá trị dinh dưỡng trong khẩu phần thức ăn cho gà Nhiều ngón nuôi thương phẩm

Thành phần dinh dưỡng	0-4 tuần tuổi	5-8 tuần tuổi	9-22 tuần tuổi
Năng lượng ME (Kcal/kg)	2950	3000	3050
Protein (%)	19,0	17,0	15,5
Xơ thô (%)	3,5	4,2	5,0
Can xi (%)	1,0	0,85	1,0
P tổng số (%)	0,8	0,75	0,7

Đánh giá khả năng sinh trưởng của gà Nhiều ngón thương phẩm

Để xác định khối lượng cơ thể của gà qua các tuần tuổi, tiến hành cân ngẫu nhiên 50 cá thể vào buổi sáng vào trước khi cho gà ăn. Thức ăn thừa hàng ngày được cân lại vào đầu giờ sáng ngày hôm sau.

Các chỉ tiêu theo dõi

Tỷ lệ nuôi sống qua các tuần tuổi.

Khối lượng cơ thể qua các tuần tuổi.

Tiêu tốn thức ăn /kg tăng khối lượng.

Đánh giá năng suất và chất lượng thịt của gà Nhiều ngón thương phẩm

Tiến hành mổ khảo sát 03 con trống và 03 con mái/lô nuôi lúc 22 tuần tuổi để đánh giá một số chỉ tiêu về năng suất thịt theo phương pháp của Bùi Hữu Đoàn và cs. (2011). Các chỉ tiêu phân tích bao gồm khối lượng sống, tỷ lệ thân thịt, tỷ lệ thịt đùi, tỷ lệ thịt ngực, tỷ lệ mỡ bụng. Các chỉ tiêu được phân tích về chất lượng thịt được tiến hành tại phòng phân tích thức ăn và sản phẩm chăn nuôi - Viện Chăn nuôi.

Phân tích thành phần hóa học thịt đùi và lườn để đánh giá chất lượng thịt với các chỉ tiêu phân tích và phương pháp phân tích như sau :

Xác định hàm lượng protein: TCVN 4328 : 2007, phân tích hàm lượng protein thô bằng phương pháp Kjeldahl. Xác định hàm lượng N trong mẫu và nhân với hệ số chuyển đổi hiệu chỉnh là

6,25 (vì N chiếm 16% trong đạm); sử dụng máy trung cất Gerhardt và thiết bị chuẩn độ tự động protein TitroLine – Schott.

Xác định hàm lượng nước tổng số: TCVN 8135 : 2009.

Xác định hàm lượng mỡ tổng số: TCVN 8136 : 2009, sử dụng thiết bị Soxtec system HT 1046 service unit -Foss và quy trình của hãng.

Xác định hàm lượng khoáng tổng số: TCVN 4327 – 2001, bằng thiết bị lò nung GALLENKAM Mufle Funace.

Xử lý số liệu

Các số liệu nghiên cứu khả năng sản xuất của gà được xử lý theo phương pháp thống kê sinh học trên chương trình Excel 2010 và Minitab 16 tại Bộ môn Di truyền - Giống vật nuôi, Viện Chăn nuôi.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Khả năng sinh trưởng của gà Nhiều ngón thương phẩm

Tỷ lệ nuôi sống gà Nhiều ngón qua các tuần tuổi

Tỷ lệ nuôi sống gà Nhiều ngón được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ nuôi sống gà Nhiều ngón giai đoạn 01 ngày tuổi (NT) – 22 tuần tuổi

Giai đoạn (tuần tuổi)	Lô 1			Lô 2		
	Đầu kỳ (con)	Cuối kỳ (con)	TLNS (%)	Đầu kỳ (con)	Cuối kỳ (con)	TLNS (%)
0 NT – 4	1000	956	95,9	1000	964	96,4
5 – 8	956	928	97,07	964	926	96,5
9 – 22	928	907	97,73	926	909	98,16
01 NT - 22		90,70				90,90

Ghi chú: NT- ngày tuổi; TLNS – tỷ lệ nuôi sống

Theo dõi tỷ lệ nuôi sống từ 1 – 22 tuần tuổi trên đàn nuôi thương phẩm là 2 lô khác nhau, chúng tôi thấy tỷ lệ nuôi sống của gà Nhiều ngón giai đoạn 01 ngày tuổi - 22 tuần tuổi đều đạt 90,70 – 90,90%. Tỷ lệ nuôi sống của gà Nhiều ngón thương phẩm trong nghiên cứu này là cao hơn trong nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2016) chỉ rằng tỷ lệ nuôi sống đến 16 tuần tuổi của gà Nhiều ngón đạt 88,3%.

Lê Thị Thu Hiền và cs. (2015) cho biết tỷ lệ nuôi sống của gà Đông Tảo giai đoạn 01 ngày tuổi đến 8 tuần tuổi dao động từ 92,50 đến 93,80%. Gà Ri hoa mơ và gà Móng có tỷ lệ nuôi sống giai đoạn 0 - 8 tuần tuổi đạt lần lượt từ 88,8% - 92,00% và 87,71-89,38%, giai đoạn từ 9 đến 20 tuần tuổi tỷ lệ nuôi sống đạt lần lượt từ 95,33 - 97,23% và 91,06 - 93,85% (Ngô Thị Kim Cúc và cs., 2014). Gà Kiến có tỷ lệ nuôi sống giai đoạn 7-20 tuần tuổi đạt 96,00 – 97,33% đối với gà trống và 96,50 – 97,25% đối với gà mái (Nguyễn Thị Mười, 2021).

Khả năng sinh trưởng

Kết quả theo dõi khả năng sinh trưởng của gà Nhiều ngón được thể hiện qua Bảng 2.

Bảng 2. Khối lượng cơ thể gà Nhiều ngón giai đoạn tuần tuổi (n=50, g)

Tuần tuổi	Lô 1		Lô 2	
	Mean	SD	Mean	SD
1NT	29,95	1,64	29,79	2,00
4	220,56	18,52	226,42	20,48
8	481,8	22,65	470,4	31,29
12	858,6	76,94	882,92	87,65
16	1178,0	97,08	1220,60	108,34
20	1494,3	106,68	1509,00	121,12
22	1702,6	180,04	1693,02	149,54

Khối lượng cơ thể gà Nhiều ngón 08 ngày tuổi đạt 470,4 - 481,8 g/con tương đương với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Khắc Khánh (2015) và Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2016). Khối lượng cơ thể của gà Nhiều ngón là nhỏ hơn khối lượng cơ thể của gà Ri vàng rom, gà Ri Ninh Hòa, gà Mía và gà Lạc Thủy (Nguyễn Thành Luân, 2016, Trần Quang Hạnh và cs., 2016; Ngô Thị Kim Cúc và Trần Trung Thông, 2018 và Nguyễn Thị Mười, 2021) khối lượng cơ thể gà tại thời điểm 22 tuần tuổi đạt 1693,02 - 1702,6 g/con.

Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể

Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể (kg)

Giai đoạn (tuần tuổi)	Lô 1	Lô 2
1NT - 4	2,20	2,24
1-8	3,31	3,42
1 - 12	3,67	3,71
1 - 16	4,52	4,56
1 - 20	4,81	4,83
1 - 22	4,97	5,01

Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể tại 8 tuần tuổi của gà Nhiều ngón thí nghiệm ở 2 lô là 3,31 – 3,42kg. Đến 22 tuần tuổi tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể lần lượt là 4,97 kg và 5,01kg. Gà Mía đến 8 tuần tuổi mức tiêu tốn thức ăn cho 1 kg tăng khối lượng của đàn

gà trung bình là 2,49 kg. Kết thúc thí nghiệm lúc 15 tuần tuổi tăng lên 3,67 kg Ngô Thị Kim Cúc và Trần Trung Thông (2018). Nguyễn Trọng Tuyển và cs. (2016) chỉ ra rằng tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng đến 15 tuần tuổi của gà Móng trung bình là 3,70 kg/kg tăng khối lượng. Nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Thịnh và cs. (2016) và Nguyễn Thị Mươi (2021) cho thấy tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể đến 16 tuần tuổi của gà Nhiều ngón và gà Lạc Thủy lần lượt là 3,57 kg và 3,26 - 3,30 kg.

Năng suất và chất lượng thịt gà Nhiều ngón thương phẩm

Để đánh giá khả năng cho thịt của gà thí nghiệm chúng tôi tiến hành mổ khảo sát mỗi mô hình 3 con trống, 3 con mái có khối lượng trung bình tại thời điểm 22 tuần tuổi. Kết quả được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4. Kết quả mổ khảo sát của gà thí nghiệm tại 22 tuần tuổi

(n=6)

Các chỉ tiêu	Lô 1		Lô 2		TB
	Mean	SD	Mean	SD	
Khối lượng sống, g	1702	84,96	1691	86,42	1696,5
Tỷ lệ thân thịt, %	74,25	1,76	74,68	1,68	74,47
Tỷ lệ thịt đùi, %	15,69	0,8	15,83	0,95	15,76
Tỷ lệ thịt lườn, %	15,14	0,91	15,06	0,96	15,1
Tỷ lệ mỡ, %	1,76	0,23	1,81	0,28	1,78

Gà thí nghiệm ở hai mô hình có tỷ lệ thân thịt, tỷ lệ thịt lườn, thịt đùi khá cao và tương đương nhau, ở mô hình 1 có tỷ lệ thân thịt đạt 74,25% và tỷ lệ thịt lườn đạt 15,14%, thịt đùi đạt 15,69%. Ở mô hình 2 có tỷ lệ thân thịt đạt 74,68%, tỷ lệ thịt lườn đạt 15,06%, thịt đùi đạt 15,83%. Kết quả nghiên cứu trên có tỷ lệ thân thịt đạt cao hơn so với tỷ lệ thân thịt của gà Nhiều ngón mổ khảo sát tại thời điểm 16 tuần tuổi là 68,75%; Tỷ lệ thịt lườn và thịt đùi đạt thấp hơn tỷ lệ thịt lườn của gà Nhiều ngón: 17,12% (tỷ lệ thịt lườn), 18,05% (tỷ lệ thịt đùi), (Nguyễn Hoàng Thịnh và cs., 2016).

Phạm Thành Định và cs. (2017) gà Lạc Thủy nuôi tại tỉnh Đồng Nai có kết quả mổ khảo sát lúc 16 tuần tuổi: tỷ lệ thịt xẻ, thịt lườn và đùi của lô ăn thức ăn phối trộn lần lượt là: 69,08%; 17,08%; 17,88% và tỷ lệ thịt xẻ, thịt lườn và đùi của lô ăn thức ăn công nghiệp là 70,93%; 21,52%; 20,00% .

Gà Nhiều ngón nói riêng và gà bản địa nói chung có tỷ lệ thịt đùi cao hơn thịt lườn do gà vận động nhiều, điều đó cũng phù hợp với số đông thị hiếu của người dân Việt Nam thích ăn thịt đùi hơn thịt lườn.

Thành phần hóa học của thịt được trình bày ở Bảng 5.

Bảng 5. Thành phần hóa học của thịt gà Nhiều ngón (%)

Chi tiêu	Đùi		Lườn	
	Mean	SD	Mean	SD
Độ ẩm ban đầu	74,55	1,52	73,02	0,90
Độ ẩm tổng số	75,32	1,64	73,81	0,72
Vật chất khô	24,68	1,64	26,20	0,72
Protein thô	20,71	0,57	23,90	1,08
Chất béo thô	2,18	1,25	0,93	0,39
Khoáng tổng số	1,21	0,09	1,26	0,14

Kết quả Bảng 5 cho thấy tỷ lệ vật chất khô của thịt đùi và thịt lườn lần lượt là 24,68 và 26,20%. Tỷ lệ protein của thịt đùi là 20,71 và thịt lườn là 23,90%. Tỷ lệ protein thô thịt đùi đạt từ 20,71 và thịt lườn đạt 23,90%. Tỷ lệ chất béo thô thịt đùi đạt 2,18% và thịt lườn đạt 0,93%. Theo Lê Thị Thúy và cs. (2010), chất lượng thịt gà H'Mông và gà Ri ở 14 tuần tuổi có tỷ lệ vật chất khô ở gà Ri là 23,04%, gà H'Mông là 23,8%. Protein ở gà Ri 20,39% và gà H'Mông là 20,42%, mỡ thô và khoáng tổng số ở 2 giống gà Ri và gà H'Mông lần lượt là 0,81% và 1,06%; 1,09% và 1,06%. Lê Công Cường (2007) thông báo chất lượng thịt của gà Hồ ở 12 tuần tuổi có tỷ lệ protein, mỡ thô, khoáng tổng số ở thịt lườn và đùi lần lượt là 23,55% và 19,85%; 0,33% và 1,12%; 1,33% và 1,07%. Lê Thị Thắm và cs. (2016) cho biết thịt gà Đông Tảo ở 12 tuần tuổi có tỷ lệ protein thịt lườn lần lượt là 23,09% và 25,49%, protein thịt đùi lần lượt là 21,09% và 22,79%.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ nuôi sống của gà Nhiều ngón đạt cao giai đoạn 01 ngày tuổi đến 22 tuần tuổi đạt 90,70 – 90,90%. Kết thúc 22 tuần tuổi khối lượng cơ thể gà đạt 1693,02 - 1702,6 g/con. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng đến 22 tuần tuổi là 4,97 kg và 5,01kg.

Tỷ lệ thân thịt đạt 74,25% -74,68%, tỷ lệ thịt lườn đạt 15,06% -15,14%, thịt đùi đạt 15,69% - 15,83%. Tỷ lệ vật chất khô của thịt đùi và thịt lườn là 24,68 và 26,20%. Tỷ lệ protein của thịt đùi là 20,71 và thịt lườn là 23,90%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Công Định, Vũ Chí Thiện, Phạm Thị Bích Hương, Nguyễn Thị Minh Tâm, Trần Trung Thông, Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Tuyên và Nguyễn Thanh Sơn. 2014. Chọn lọc dòng gà Ri hoa mơ. Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi, Viện Chăn nuôi (51), 2014, tr. 1- 9.
- Ngô Thị Kim Cúc và Trần Trung Thông. 2018. Đánh giá khả năng sinh trưởng và hiệu quả kinh tế của gà Mía thương phẩm. Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi, Viện Chăn nuôi (98), 2018, tr. 2- 10
- Lê Công Cường. 2007. Nghiên cứu khả năng sản xuất của tổ hợp lai giữa gà Hồ và gà Lương Phượng, Luận văn thạc sỹ nông nghiệp, Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thanh Sơn và Nguyễn Huy Đạt. 2011. Một số chỉ tiêu dùng trong nghiên cứu Gia cầm. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, 2011.
- Phạm Thành Định, Nguyễn Thị Tường Vy, Nguyễn Đức Hưng và Ngô Văn Bình. 2017. Nghiên cứu sức sản xuất thịt của gà Lạc Thủy nuôi tại tỉnh Đồng Nai. Tạp chí Khoa học – Đại học Huế ISN 1859 – 1388 . Tập 126, số 3A, 2017.
- Vũ Thị Thúy Hằng. 2014. Đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của gà nhiều cựa nuôi tại huyện Tân Sơn – tỉnh Phú Thọ. Luận văn thạc sỹ nông nghiệp. Học Viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Lê Thị Thu Hiền, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Hữu Cường, Nguyễn Quý Khiêm, Nguyễn Thị Tình, Nguyễn Thị Kim Oanh, Phạm Thùy Linh, Nguyễn Thanh Sơn và Phùng Văn Cảnh. 2015. Chọn lọc nhân thuần giống gà Đông Tảo. Tạp chí khoa học Công nghệ Chăn nuôi (57), tr. 31-38.
- Bùi Thế Hoàn. 2013. Nghiên cứu đặc điểm sinh học và sức sản xuất của giống gà Đa Cựa nuôi tại xã Xuân Sơn huyện Tân Sơn tỉnh Phú Thọ. Luận văn thạc sĩ nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên.
- Nguyễn Khắc Khánh. 2015. Đặc điểm di truyền và khả năng sản xuất của gà Nhiều ngón. Luận văn thạc sĩ nông nghiệp, Học Viện Nông Nghiệp Hà Nội.
- Phạm Văn Long. 2015. Báo cáo tổng kết đề tài “Bảo tồn nguồn gen gà Lôi trắng (*Lophura nycthemera*) và gà Chín cựa (*Galus domesticus* ssp.) tại Vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2012-2015”.
- Nguyễn Thành Luân. 2016. Khả năng sản xuất của gà Ri vàng rom. Luận văn thạc sĩ. Học Viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Nguyễn Thị Mười và cs. 2021. Khai thác và phát triển nguồn gen gà Kiến và gà Lạc Thủy. Viện Chăn nuôi.
- Lê Thị Thắm, Ngô Xuân Thái, Vũ Văn Thắng, Đào Thị Hiệp, Đoàn Văn Soạn, Vũ Đình Tôn và Đặng Vũ Bình. 2016. Khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của gà Đông Tảo. Tạp chí KH Nông nghiệp Việt Nam số 11 (14): 1716-1725.
- Nguyễn Hoàng Thịnh, Phạm Kim Đăng, Vũ Thị Thuý Hằng, Hoàng Anh Tuấn, Bùi Hữu Đoàn. 2016. Một số đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của gà Nhiều ngón nuôi tại rừng quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Tạp chí Khoa học và Phát triển 2016, tập 14, số 1: 9-20. Tr 10-20.
- Nguyễn Trọng Tuyển, Ngô Thị Kim Cúc và Phùng Đức Tiến. 2016. Nghiên cứu khả năng sinh trưởng của gà Móng Tiên Phong qua 3 thế hệ nuôi thương phẩm. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi. Viện Chăn nuôi – Bộ Nông nghiệp và PTNT, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội 68.

ABSTRACT

Productivity and meat quality of broiler polydactyl chicken

The objective of this study was to assess the productivity, meat quality of broiler polydactyl chicken. The experiment was carried out in the Phu Quang Trade and Investment Co., Ltd. Phu Tho province. Broiler polydactyl chickens were reared from 1 day old to 22 weeks of age with the number of 1000 birds/lot with 2 replicates. The total number of experimental chickens is 2000 1-day-old chickens. Broiler chickens are raised by semi-intensive production system. The flocks were fed ad libitum during the whole period from 1 day old to 22 weeks of age. The meat performance and quality of broiler polydactyl chickens were evaluated. The results showed that the average survivability of the broiler polydactyl chicken from 0 to 22 weeks of age was from 90.70 to 90.90%. The average body weight at 22 weeks of age varied between 1693.02 and 1702.6g/chick. Feed conversion ratio (PCR)/kg increased body weight at 22 weeks of age was from 4.97 to 5.01 kg. The ratio of thigh and breast meat was from 15.06% to 15.14% and from 15.69% to 15.83%, respectively. The ratio of dry matter in thigh meat and breast meat was from 24.68 to 26.20%, respectively. The ratio of protein in thigh meat and in breast meat varied from 20.71 and 23.90%, respectively.

Keywords: *polydactyl chicken, chicken meat quality, Vietnamese local chicken*

Ngày nhận bài: 15/10/2021

Ngày phản biện đánh giá: 25/10/2021

Ngày chấp nhận đăng: 30/11/2021

Người phản biện: TS. Hồ Lam Sơn